

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Ngô Thanh Thủy

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
Email: thuyngothanh@vnies.edu.vn

Article history

Received: 17/11/2022

Accepted: 08/12/2022

Published: 05/01/2023

Keywords

Influencing factors, career value orientations, high school

ABSTRACT

The 2018 General Education Curriculum includes vocational education content to provide high school students with accurate and appropriate career orientations. Based on a theoretical review, the study generalizes the subjective influencing factors (including personal characteristics, age, positivity, tendencies, personal preferences, etc.) and objective factors (including societal needs, career-oriented education in schools, family education and living conditions, and local cultures) affecting the career value orientation among high school students. The influence of these factors varied at different levels with each individual. Thus, the orientation of an individual's professional values is unique for each individual and imbued with characteristics of local cultures and communities. This study also points out further research directions on the current situation of influencing factors such as age, gender, and regional approaches at high school level.

1. Mở đầu

Biến đổi xã hội cùng với sự phát triển nhanh chóng của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay và mạng thông tin toàn cầu đã kết nối giữa các quốc gia, các nền văn hóa và con người gần nhau hơn. Những sự phát triển mạnh mẽ này đã mang đến sự thay đổi giá trị, định hướng giá trị của xã hội nói chung và của mỗi con người nói riêng. Những kết quả nghiên cứu thực nghiệm khách quan là nền tảng khoa học để đạt được định hướng giá trị nghề nghiệp (GTNN) phù hợp, để hiểu bản thân khách quan hơn và có thể lựa chọn các chương trình học tập phù hợp của họ. Ở Việt Nam, Chương trình phổ thông 2018 đã tạo ra nhiều điểm khác biệt trong giáo dục hướng nghiệp tại các trường THPT. Đặc biệt, HS có cơ hội được học tập trải nghiệm và được định hướng nghề nghiệp cụ thể phù hợp với các đặc điểm cá nhân. Do vậy, việc nghiên cứu những yếu tố tác động tới định hướng GTNN sẽ góp phần giúp cho giáo viên, các nhà quản lý giáo dục và thậm chí HS THPT nâng cao nhận thức, từ đó có biện pháp giáo dục hướng nghiệp phù hợp.

Bài báo nghiên cứu tổng quan về một số công trình và xuất bản phẩm về các yếu tố ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển định hướng GTNN ở một số nước trên thế giới. Kết quả nghiên cứu trình bày một số yếu tố ảnh hưởng từ góc độ chủ quan và khách quan. Về yếu tố chủ quan, các công trình nghiên cứu đã chỉ ra rằng các yếu tố thuộc về đặc điểm cá nhân, đặc điểm lứa tuổi, tính tích cực, xu hướng và sở thích cá nhân có tác động tới việc định hướng GTNN của HS THPT. Về yếu tố khách quan, các vấn đề thuộc về nhu cầu xã hội, giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường, giáo dục gia đình và môi trường, văn hóa địa phương có thể điều chỉnh và tác động đến định hướng GTNN của HS THPT. Các kết quả nghiên cứu này được trình bày theo các nhóm vấn đề và theo thời gian nghiên cứu giúp cho các nhà giáo dục có thể hình dung được bức tranh tổng quan về các yếu tố tác động tới định hướng GTNN của HS lứa tuổi THPT.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Nghiên cứu về định hướng giá trị nghề nghiệp với các đặc điểm cá nhân, đặc điểm lứa tuổi học sinh trung học phổ thông

Đối với các yếu tố ảnh hưởng tới định hướng GTNN, các nhà nghiên cứu tập trung vào những khía cạnh khác nhau về các biến như giới tính, tuổi tác, nghề nghiệp và mối quan hệ giữa định hướng GTNN và tính cách, văn hóa và động cơ, thành tựu nghề nghiệp, ... ví dụ: các GTNN và thang đo kỹ năng là một trong những vấn đề hàng đầu đối với các nhà nghiên cứu. Các nhà nghiên cứu xem xét các GTNN, giao tiếp hàng ngày với người khác, hợp tác với người khác, mối quan hệ đồng nghiệp, cạnh tranh, hiểu những điều quan trọng đối với bản thân, ... Parsons - nhà tâm lý học người Mỹ đã sử dụng các bài kiểm tra để nghiên cứu năng lực nhằm định hướng GTNN thích hợp. Trong khi đó, Galton - nhà tâm lý học người Anh đã giúp sinh viên định hướng GTNN bằng cách sử dụng các bài kiểm tra để

chẩn đoán tính cách của họ. Qua việc sử dụng các bài kiểm tra đa kênh, các nhà tâm lý học đã giúp sinh viên xem liệu dự định nghề nghiệp của họ có phù hợp hay không.

Betz và Fitzgerald đã xem xét toàn diện nghiên cứu về tâm lý nghề nghiệp của phụ nữ và tóm tắt tài liệu bằng cách đề xuất 4 bộ yếu tố ảnh hưởng tích cực đến lựa chọn nghề nghiệp của phụ nữ, bao gồm: (1) các biến cá nhân (lòng tự trọng cao, khả năng cao, giá trị vai trò giới tính được giải phóng, khái niệm học thuật mạnh mẽ); (2) các biến cơ bản (mẹ làm việc, cha hỗ trợ, cha mẹ có học thức cao, hình mẫu phụ nữ, kinh nghiệm làm việc khi còn là thanh thiếu niên, giáo dục ái nam ái nữ); (3) các biến giáo dục (trường nữ học, công việc nâng cao về toán học, giáo dục đại học); và (d) các biến số lối sống của người lớn (kết hôn muộn hoặc độc thân, không có hoặc có ít con). Betz và Fitzgerald đã đề xuất một thứ tự nguyên nhân của các biến này và Fassinger đã thử nghiệm mô hình bằng các phương pháp thực nghiệm tính vi. Phát hiện của Fassinger chỉ ra rằng mức độ khả năng cao hơn trong tương tác phức tạp với thái độ tự do giới tính, ảnh hưởng tích cực đến định hướng nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp (Shatilova, 2019).

Các đặc điểm nghề nghiệp bao gồm 4 cấu trúc bên trong: xu hướng nghề nghiệp, năng lực nghề nghiệp, nhận thức và nhân vật, cùng với các yếu tố khác như đặc điểm tính cách, giới tính, tuổi tác,... Bốn cấu trúc bên trong này đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng lựa chọn nghề nghiệp và việc làm. Sử dụng một cách tiếp cận khác nhau về đặc điểm tính cách, từ vấn đề tâm lý học và nghiên cứu giáo dục, Trần Khánh Đức (2010) đã xây dựng một mô hình các nhân vật nghề nghiệp, trong đó gói gọn vấn đề công nghệ giáo dục và phân tầng các giai đoạn phát triển nghề nghiệp phù hợp với sự phát triển cá nhân của các nhân vật tương thích với từng giai đoạn đào tạo nghề nghiệp trong hệ thống giáo dục. Theo tác giả, đây là cách phát triển nhân cách và phương pháp học tập suốt đời, theo đó mô hình các nhân vật nghề nghiệp tương thích với các giai đoạn: tiền nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp, điều chỉnh và phát triển nghề nghiệp. Quá trình phát triển nhân vật dần dần hoàn thiện các cá nhân nhân vật bằng cách hình thành các tính năng đặc biệt mới, bổ sung cho các tính năng hiện có hoặc phát triển chúng lên một mức độ mới. Để tìm hiểu nhận thức của HS về các GTNN, tác giả Lò Mai Thoan nghiên cứu về định hướng GTNN của HS trung học Sơn La. Tác giả đã trình bày 30 GTNN thuộc 3 nhóm: GTNN cần thiết về mặt xã hội, GTNN cần thiết cho gia đình, và giá trị cá nhân cần thiết. Tác giả đã nghiên cứu lợi ích của các đối tượng trong các GTNN bằng cách kiểm tra 30 GTNN này. Đáng chú ý trong nghiên cứu này là lợi ích không thể được loại trừ như một chỉ quyết định trong định hướng GTNN (Lò Mai Thoan, 2010). Phùng Thị Hằng (2012) trong nghiên cứu của mình đã làm rõ định hướng GTNN bao gồm các khía cạnh sau: kế hoạch, lí do lựa chọn nghề nghiệp, định hướng GTNN và xu hướng lựa chọn nghề nghiệp.

2.2. Nghiên cứu về định hướng giá trị nghề nghiệp với tính tích cực, xu hướng, sở thích của cá nhân phù hợp với nhu cầu xã hội

Tính tích cực học nghề của HS, sinh viên cũng được xem xét là một trong những yếu tố có mối quan hệ biện chứng với định hướng GTNN (Phan Thị Lan, 1999). Đồng quan điểm, tác giả Ngô Thanh Huyền đã hệ thống hóa một số vấn đề lý luận về định hướng GTNN, tính tích cực học nghề và mối quan hệ giữa định hướng GTNN với tính tích cực học nghề. Để giúp các cá nhân hiểu bản thân và tìm một nghề nghiệp phù hợp, nghiên cứu chứng minh rằng các cá nhân cần tìm một miền lựa chọn nghề nghiệp tối ưu trong đó họ có thể trả lời cả 3 câu hỏi: Tôi thích nghề nghiệp nào? (sở thích), Tôi có thể thực hành nghề nghiệp nào? (năng lực) và Tôi cần nghề nghiệp gì? (nhu cầu xã hội, nhu cầu thị trường lao động) (Hoàng Kiên, 1996). Đây là câu hỏi quan trọng quyết định sự lựa chọn nghề nghiệp. Nói cách khác, lợi ích và năng lực là đặc điểm cá nhân, là những yếu tố cơ bản để đáp ứng nhu cầu của một ngành công nghiệp nhất định. Tuy nhiên, để tìm được một nghề nghiệp phù hợp, 3 yếu tố này là không đủ vì điều cần thiết là những người tìm kiếm sự nghiệp phải có các đặc điểm khác như tư tưởng, định hướng giá trị, đặc điểm tính cách, nhận thức,... Ngoài ra, sức khỏe và KT-XH nền tảng cũng nên được xem xét. Để hiểu các đặc điểm tính cách trong định hướng GTNN, một số nhà nghiên cứu chú ý đến việc hình thành các nhân vật nghề nghiệp.

Kết quả khảo sát về phân luồng HS sau THPT của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam năm 2011 (Nguyễn Ngọc Thanh, 2012) cho thấy 97,7% trong tổng số 1.737 HS của trường THPT trên 10 tỉnh/thành phố đại diện cho 3 vùng Bắc, Trung, Nam có xu hướng mong muốn thi vào đại học sau khi tốt nghiệp THPT, trong đó 4 tỉnh có tỉ lệ 100% HS mong muốn thi vào đại học (Hưng Yên, Thanh Hóa, Quảng Nam và Đồng Nai). Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, HS lựa chọn vào đại học do nhu cầu mong muốn sau khi tốt nghiệp sẽ có thu nhập cao. HS cho rằng nếu học ở các trường học nghề hay giáo dục thường xuyên thì cơ hội việc làm thấp và thu nhập nghề không cao. Nghiên cứu gần đây về định hướng GTNN cho HS THPT các tỉnh miền núi phía Bắc trong bối cảnh hiện nay cũng đưa ra số liệu với xu hướng tương tự. Hơn 60% HS cho rằng lí do các em không muốn học nghề và trung cấp chuyên nghiệp là do học nghề lương thấp, ít có cơ hội phát triển, vị trí xã hội thấp (Đỗ Thị Bích Loan, 2017).

Nghiên cứu về định hướng GTNN trong các lĩnh vực khoa học hiện nay, đặc biệt là trong lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán học (viết tắt là STEM). Nghiên cứu về sự khác biệt giới tính trong STEM về hứng thú nghề nghiệp của những người sau tốt nghiệp tiến hành trên 1.848 sinh viên (42% nữ, trong đó có 81% không phải người gốc Tây Ban Nha) đang theo học chuyên ngành Sinh học (có sự cân bằng giới tính) và các chuyên ngành khác thuộc STEM mà không có môn Sinh học (trong đó nam giới chiếm ưu thế) và lĩnh vực sức khỏe được nữ giới chiếm đa số (YangYang & Barth, 2015). Nghiên cứu này giải thích lí do tại sao phụ nữ có tính đại diện lớn hơn trong lĩnh vực STEM so với các lĩnh vực khác bằng cách liên kết hai phương pháp tiếp cận lí thuyết “Định hướng con người - sự vật” (People-thing orientation, viết tắt là PO, TO) và lí thuyết vai trò phù hợp (Role congruity theory). Sự liên kết giữa hai lí thuyết này nhấn mạnh tới khả năng có thể chi trả cho việc đạt được mục tiêu nghề nghiệp với vai trò truyền thống của nam và nữ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phụ nữ trong các chuyên ngành của STEM có hứng thú với các nghề nghiệp như nhau giữa các công việc liên quan tới con người và sự việc. Định hướng nghề nghiệp liên quan tới con người, nghề nghiệp liên quan tới sự việc và xếp hạng khả năng chi trả cho mục tiêu nghề nghiệp tiên đoán được xu hướng đối với mỗi nhóm nghề này.

2.3. Nghiên cứu về định hướng giá trị nghề nghiệp với việc giáo dục giá trị nghề nghiệp trong nhà trường phổ thông

O'Brien và Fassinger dựa trên mô hình lựa chọn nghề nghiệp của Fassinger (1985) đề xuất mô hình nhân quả về định hướng nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp của phụ nữ vị thành niên. Nghiên cứu 409 phụ nữ vị thành niên là HS THPT tại một trường nữ sinh ở bang miền trung Hoa Kỳ đã chỉ ra các yếu tố dự đoán định hướng và lựa chọn nghề nghiệp, bao gồm: năng lực, bản thân, thái độ đối với vai trò giới và quan hệ với các mẹ. Thanh thiếu niên nữ trong nghiên cứu có thái độ cởi mở với vai trò giới và mối quan hệ gần gũi nhưng độc lập với mẹ có xu hướng tôn trọng lựa chọn nghề nghiệp của chính họ. Những người có năng lực mạnh mẽ và có sự độc lập cao thường có xu hướng chọn nghề nghiệp độc đáo và chuyên nghiệp (O'Brien, 1996). Liên quan đến mối quan hệ giữa định hướng GTNN và tính cách, văn hóa và động lực đạt được sự nghiệp, O'Brien nghiên cứu ảnh hưởng của sự chia li hoặc gắn bó của phụ huynh đối với năng lực bản thân, tính thực tế và định hướng của 282 HS nữ. Trong nghiên cứu này, ảnh hưởng của sự tách biệt tâm lí và sự gắn bó với cha mẹ đối với sự phát triển nghề nghiệp của phụ nữ vị thành niên, tác giả nhận thấy rằng những người gắn bó với mẹ của họ ở mức độ trung bình, dựa vào mẹ để giải quyết các vấn đề cá nhân, cảm thấy gắn bó về mặt cảm xúc với mẹ của họ, nắm giữ một niềm tin và thái độ tương tự như cha mẹ của họ là những người có năng lực bản thân mạnh mẽ và có định hướng nghề nghiệp cũng như thực tế (Raynor, 1970). Tác giả cũng chỉ ra mối quan hệ giữa các động cơ liên quan đến thành tích, định hướng tương lai và kết quả học tập.

Các tác giả này nghiên cứu ảnh hưởng của kết quả học tập và học tập quan sát đến hiệu quả của bản thân trong các lựa chọn và sở thích nghề nghiệp, mục tiêu (hoặc nguyện vọng nghề nghiệp) và hành vi trong các lựa chọn chương trình học của những sinh viên không có định hướng rõ ràng. Trong nghiên cứu này, những người có thành tích học tập tốt nhưng không có định hướng nghề nghiệp được xếp ngẫu nhiên thành 4 nhóm: một nhóm dưới tác động của kết quả học tập, một nhóm dưới tác động của học tập quan sát, một nhóm dưới tác động kết hợp giữa hiệu suất học tập và học tập quan sát và một nhóm kiểm soát khác. Kết quả cho thấy, sự kết hợp giữa kết quả học tập và học tập quan sát giúp nâng cao năng lực bản thân của sinh viên trong các lựa chọn nghề nghiệp. Các yếu tố ảnh hưởng mạnh mẽ nhất tới định hướng GTNN được phân chia theo các nhóm khác nhau nhưng đều đồng nhất quan điểm cho rằng: vai trò của gia đình và giáo dục tại nhà trường là yếu tố khách quan, năng lực học tập, vấn đề giới và sự độc lập, tự quyết của bản thân HS là yếu tố chủ quan (Luzzo et al., 1999).

Các nghề nghiệp khác nhau trong đời sống xã hội đều tồn tại trong mình những giá trị nhất định. GTNN tồn tại trong mối liên hệ với nhu cầu của con người và chỉ được hình thành thông qua sự đánh giá của chủ thể. Tác giả Đỗ Ngọc Anh đã xác định những giá trị của nghề văn hóa thông tin bao gồm 22 giá trị cụ thể với mục đích giúp người học hiểu nghề, yêu nghề, tạo động lực, tính tích cực học tập, rèn luyện để hoàn thiện những phẩm chất nghề nghiệp theo mục tiêu đào tạo của nhà trường (Fordon, 1999; Đỗ Ngọc Anh, 2009). Tác giả đã xây dựng 3 nhiệm vụ giáo dục cụ thể: trang bị kiến thức, xây dựng thái độ và điều khiển hành vi. Khảo sát trên 500 sinh viên đang học các năm thứ nhất, thứ hai và thứ ba trong các trường đào tạo nghề văn hóa - thông tin đã đi đến nhận định rằng: nhận thức của sinh viên ngành này còn chưa đúng đắn, tình cảm và thái độ nghề nghiệp chưa phù hợp, hành vi hướng tới các giá trị nghề còn hạn chế. Giải pháp tác giả đề cập trong nghiên cứu bao gồm: (1) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của chủ thể quản lí giáo dục; (2) Coi trọng khâu thông tin tuyên truyền về nghề và giá trị của nghề; (3) Đổi mới công tác tuyển sinh; (4) Nâng cao chất lượng giáo dục GTNN cho sinh viên qua con đường giáo dục, rèn luyện.

2.4. Nghiên cứu định hướng giá trị nghề nghiệp của học sinh và vai trò của giáo dục gia đình

Về vai trò của gia đình trong việc giáo dục định hướng GTNN được đề cao đặc biệt trong bối cảnh xã hội phương Đông. Việt Nam cũng không nằm ngoài giá trị xã hội chung đó, nước ta lấy học vấn làm trọng, học để biết chữ, biết

nghĩa lí, học để làm người có nhân cách, học để làm người biết trung, hiếu, lễ, nghĩa. Các gia đình luôn đề cao tinh thần hiếu học, khuyến dạy con cháu phải cố gắng để thành tài. Do đặc điểm văn hóa - xã hội, các gia đình Việt Nam gắn với nền nông nghiệp lúa nước, vì vậy cha mẹ thường xuyên rèn luyện cho trẻ về ý thức lao động, giá trị của sức lao động, tôn trọng thành quả của lao động. Đây là mục tiêu quan trọng của giáo dục gia đình Việt Nam (Lê Ngọc Văn, 2012). Qua lao động, gia đình Việt truyền tải các GTNN, giá trị xã hội cho trẻ như: ghi nhớ công ơn những người đi trước tạo ra các thành quả lao động; biết tiết kiệm, không lãng phí; tôn trọng công sức lao động của bản thân và người đi trước; tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái; yêu thương, đùm bọc giữa anh chị em trong gia đình; sự gắn bó, quan tâm và chia sẻ với những người thân và người xung quanh dù lúc khó khăn hay khi sung túc,... (Trần Quốc Vương, 2005).

Tác giả Ngô Công Hoàn cũng đã chỉ ra các giá trị mà gia đình định hướng cho trẻ theo lứa tuổi. Đối với lứa tuổi HS tiểu học thì cần giáo dục giá trị đạo đức, giá trị xã hội. Trẻ sẽ tiếp thu các giá trị này thông qua các chuẩn mực hành vi theo cơ chế nhập tâm, bắt chước hành vi ứng xử của người xung quanh (Ngô Công Hoàn, 2006). Đối với lứa tuổi HS THCS thì ngoài việc tiếp tục giáo dục các giá trị đạo đức và giá trị xã hội, trẻ còn cần được giáo dục giá trị của đồng tiền, tinh thần trách nhiệm, yêu lao động (Ngô Công Hoàn, 2015).

Tác giả Nguyễn Công Khanh đưa ra 10 giá trị sống quan trọng cho HS Việt Nam: giàu tình yêu thương, trung thực, biết quan tâm người khác, ham học hỏi, siêng năng, tôn trọng pháp luật, yêu hòa bình, biết nhận lỗi và biết tha thứ, sống chủ động tự tin, chấp nhận thử thách và luôn vượt qua khó khăn. Cách thức trẻ tiếp nhận các giá trị này là thông qua sự tự nhận thức và trải nghiệm thực tiễn của cá nhân, việc giáo dục giá trị cần phải gắn liền với việc giáo dục các hành vi tích cực và xây dựng các thói quen tốt cho trẻ (Nguyễn Công Khanh, 2014).

Trương Thị Khánh Hà (2016) cùng theo hướng này đã nghiên cứu về giáo dục giá trị cho trẻ em trong gia đình bằng cách sử dụng thang giá trị của Shalom H. Schwartz trên các nhóm khách thể là cha mẹ và con ở lứa tuổi vị thành niên ở ba miền Bắc, Trung, Nam. Kết quả nghiên cứu chỉ ra các nhóm phẩm chất nhân cách mà cha mẹ thường giáo dục con cái là: (1) biết yêu thương, tôn trọng bản thân và người khác; lễ phép; có hiếu; có lòng nhân ái; trọng tình nghĩa; chia sẻ, giúp đỡ; trung thực; có trách nhiệm; khiêm tốn; (2) Giàu trí tưởng tượng; linh hoạt sáng tạo; sôi nổi nhiệt tình, mạo hiểm, lạc quan, tự tin, vui vẻ, hài hước, can đảm, có khát vọng; (3) Chăm học, học giỏi, cần cù, có ý chí; (4) biết rèn luyện sức khỏe, chăm lao động; (5) Biết sử dụng tiền, tiết kiệm tiền, tự lập tự chủ.

Tác giả Trương Quang Lâm khi tiến hành nghiên cứu về định hướng giáo dục giá trị cho trẻ em trong gia đình cho thấy sự khác biệt về giá trị giữa cha mẹ và con cái trong việc xác định các giá trị của bản thân. Do đó, cha mẹ lựa chọn các giá trị để giáo dục con cái như: an toàn cá nhân, công bằng, bình đẳng, quan tâm chăm sóc và bảo vệ thiên nhiên,... Các giá trị này khác biệt theo địa bàn sinh sống của gia đình, theo nghề nghiệp của cha mẹ. Phương pháp giáo dục cha mẹ sử dụng nhiều nhất là phương pháp làm gương, nêu gương, khen thưởng, phân tích và tổ chức trải nghiệm (Trương Quang Lâm, 2017).

2.5. Nghiên cứu định hướng giá trị nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông và môi trường, văn hóa địa phương

Xem xét về vấn đề GTNN không tách rời khỏi văn hóa dân tộc hoặc vùng miền, các nhà nghiên cứu nhận thấy mức độ ảnh hưởng của nhận thức về nghề có liên quan tới xu hướng nghề nghiệp, nghiên cứu về định hướng GTNN của HS THPT vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Đỗ Ngọc Anh, 2009; Lâm Thị Sang, 2010). Phía Bắc và các tỉnh vùng núi được lựa chọn là khu vực nghiên cứu với mục đích chỉ rõ mối quan hệ giữa giáo dục định hướng GTNN với định hướng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của địa phương (Đỗ Thị Bích Loan, 2017; Phùng Thị Hằng, 2012). Từ việc nghiên cứu định hướng nghề nghiệp của HS THPT ở 4 huyện miền núi của tỉnh Hòa Bình, tác giả đã thu được những kết quả cụ thể về việc định hướng nghề nghiệp của HS dân tộc thiểu số như: nhận thức về định hướng nghề nghiệp; các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn ngành nghề của HS; nguyện vọng, tiêu chí chọn trường thi, chọn nghề nghiệp (Đặng Thành Hưng, 1993). Nhận diện những thay đổi về GTNN của HS phổ thông trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới, Đỗ Thị Bích Loan (2016) đã nghiên cứu về những biến đổi trong nhận thức của HS phổ thông về GTNN. Các nghề nghiệp liên quan tới khoa học, công nghệ trở thành ngành nghề có giá trị lớn, gắn liền với đó là năng lực nghề nghiệp, đặc biệt thu nhập từ nghề nghiệp trở thành một thang đo về GTNN với HS.

3. Kết luận

Theo các giai đoạn lứa tuổi, các nhà nghiên cứu tiến hành những cách khảo sát định hướng giá trị khác nhau nhằm xác định sự hình thành và biến đổi các GTNN. Định hướng GTNN của HS THPT chịu các tác động khác nhau từ các yếu tố nội tại của HS và các yếu tố khách quan. Các nghiên cứu trong và ngoài nước đều tập trung xác định, phân tích các biến thuộc về chủ quan như đặc điểm cá nhân (sở thích, nhu cầu, giới tính, động cơ, hứng thú,...) và các biến thuộc về khách quan (giáo dục nhà trường, gia đình và môi trường, văn hóa). Mỗi một yếu tố có mức độ tác động khác nhau và khác biệt ở mỗi cá nhân. Chính vì vậy, mỗi cá nhân sẽ có tính độc đáo, riêng biệt trong định

hướng GTNN của mình. Nghiên cứu tổng quan này góp phần cung cấp hệ thống lí luận xác định các yếu tố ảnh hưởng tới định hướng GTNN của HS, gợi mở cho các nghiên cứu tiếp theo về thực trạng ảnh hưởng theo các cách tiếp cận về giới, vùng miền, dân tộc ở lứa tuổi HS THPT.

Tài liệu tham khảo

- Đặng Thành Hưng (1993). Một số biểu hiện của định hướng giá trị trong tầng lớp thanh niên nước ta thuộc lĩnh vực việc làm và nghề nghiệp. *Tạp chí Thông tin Khoa học giáo dục*, 37, 7-15.
- Đỗ Ngọc Anh (2009). *Định hướng giá trị nghề của học sinh trung học phổ thông một số tỉnh Đồng bằng Bắc Bộ*. Luận án tiến sĩ Tâm lí học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Đỗ Thị Bích Loan (2016). Nhận diện những thay đổi về giá trị nghề nghiệp của học sinh phổ thông trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 135, 15-19.
- Đỗ Thị Bích Loan (2017). *Định hướng giá trị nghề nghiệp cho học sinh trung học phổ thông các tỉnh miền núi phía Bắc trong bối cảnh hiện nay*. Đề tài nghiên cứu cấp Bộ, mã số: B2014-37-33, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Fassinger, R. E. (1985). A causal model of college women's career choice. *Journal of Vocational Behavior*, 27(1), 123-153. [https://doi.org/10.1016/0001-8791\(85\)90057-0](https://doi.org/10.1016/0001-8791(85)90057-0)
- Fordon, A. E. (1999). *Careers in Music and the Arts: The Messages women Receive*. U.S. Department of Education Office of Educational Research and Improvement (OERI) - National Library of Education (NLE) - Educational Resources Information Center (ERIC).
- Hoàng Kiên (1996). *Sinh hoạt hướng nghiệp 11*. NXB Giáo dục.
- Lâm Thị Sang (2010). Đặc điểm chung về định hướng giá trị nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học giáo dục*, 52, 49-53.
- Lê Ngọc Văn (2012). *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*. NXB Khoa học Xã hội.
- Lò Mai Thoan (2010). Định hướng giá trị nghề của học sinh trung học phổ thông tỉnh Sơn La. *Tạp chí Tâm lí học*, 139(10), 57-63; 143(3), 54-63.
- Luzzo, D. A., Hasper, P., Albert, K. A., Bibby, M. A., & Martinelli Jr, E. A. (1999). Effects of self-efficacy-enhancing interventions on the math/science self-efficacy and career interests, goals, and actions of career undecided college students. *Journal of Counseling Psychology*, 46(2), 233-243.
- Ngô Công Hoàn (2006). *Giá trị đạo đức và giáo dục giá trị đạo đức cho trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.
- Ngô Công Hoàn (2015). *Nhân cách người công dân được hình thành từ gia đình*. Kỷ yếu hội thảo khoa học "Vai trò của gia đình trong giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ em hiện nay", Hội Khoa học Tâm lí - Giáo dục Việt Nam, 109-113.
- Nguyễn Công Khanh (2014). *Phương pháp giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống*. NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn Ngọc Thanh (2012). *Một số vấn đề chính sách giáo dục ở vùng cao miền núi phía Bắc Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội.
- O'Brien, K. M. (1996). The influence of psychological separation and parental attachment on the career development of adolescent women. *Journal of Vocational Behavior*, 48(3), 257-274.
- Phan Thị Lan (1999). *Định hướng giá trị nghề nghiệp và tính tích cực học nghề của sinh viên Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội*. Luận văn thạc sĩ Tâm lí học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Phùng Thị Hằng (2012). Định hướng giá trị nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số ở tỉnh Thái Nguyên. *Tạp chí Giáo dục*, 291, 10-11; 17.
- Raynor, J. O. (1970). Relationships between achievement-related motives, future orientation, and academic performance. *Journal of Personality and Social Psychology*, 15(1), 28-33.
- Shatilova, O. S. (2019). Western theories of career development. *Theory and Practice of Modern Psychology*, 4(2), 151-158. <https://doi.org/10.32840/2663-6026.2019.4-2.28>
- Trần Khánh Đức (2010). *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Trần Quốc Vượng (2005). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. NXB Giáo dục.
- Trương Quang Lâm (2017). *Định hướng giáo dục giá trị cho trẻ em trong gia đình*. Luận án tiến sĩ Tâm lí học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trương Thị Khánh Hà (2016). *Giáo dục giá trị cho trẻ em trong gia đình*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Vũ Thị Yến Nhi (2018). *Giáo dục giá trị nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng ngành Giáo dục mầm non qua thực tập nghề nghiệp*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- YangYang & Barth, J. M. (2015). Gender differences in STEM undergraduates' vocational interests: People-thing orientation and goal affordances. *Journal of Vocational Behavior*, 91, 65-75.